TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2026/HNGĐ-ST
Ngày 31-7-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Nhạn;

Bà Phạm Thị Vĩnh .

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đinh Quang Đ, sinh năm 1985, căn cước công dân số 037085000114; nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường A, thành phố Hải Phòng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985, căn cước công dân số 031185002308; nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.oà, V, Hải Phòng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Đinh Quang Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A (nay là phường A), thành phố Hải Phòng ngày 15 tháng 01 năm 2010. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại tổ dân phố K, phường A. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng về quan điểm,

lối sống nên vợ chồng không có hạnh phúc và luôn trong tình trạng căng thẳng, bất hoà. Gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã được hơn một năm. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên anh yêu cầu được ly hôn chị T. Anh chị có ba con chung là Đinh Phúc H, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2011; Đinh Thị Châu A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2013 và Đinh Ngọc D, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2020. Ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả ba con chung vì từ khi anh chị sống ly thân đến nay thì cả ba con đều do anh nuôi dưỡng, các cháu khoẻ mạnh, phát triển bình thường và đều có nguyện vọng ở với bố; anh làm nghề lái xe công trình cho Công ty TNHH T1, thu nhập khoảng 24.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi con. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bị đơn nhưng chị Nguyễn Ngọc T không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Xác minh tại chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T thể hiện: Anh chị tự nguyện kết hôn và chung sống tại tổ dân phố K, phường A, thành phố Hải Phòng từ năm 2010 đến nay. Tuy nhiên, thời gian gần đây giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự thông cảm chia sẻ với nhau, vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã. Anh Đ đi làm không đưa tiền cho chị T, quản lý kinh tế gia đình nên cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng căng thẳng. Mâu thuẫn của anh chị đã được hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị có ba con chung là Đinh Phúc H, sinh năm 2011; Đinh Thị Châu A, sinh năm 2013 và Đinh Ngọc D, sinh năm 2020. Trường hợp anh chị phải ly hôn đề nghị Toà án căn cứ vào nguyện vọng của con và điều kiện của anh chị để giải quyết về con chung. Hiện nay ba con đang do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Đ làm nghề lái xe có thu nhập ổn định; trong khi chị T đang sinh sống cùng với bố mẹ, chỗ ăn ở sinh hoạt bất tiện, chị T không có việc làm, không có thu nhập ổn định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo thông báo của Tòa án, vi phạm khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa anh Đ và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147,

khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ được ly hôn chị T. Giao ba con chung Đinh Phúc H, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2011; Đinh Thị Châu A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2013 và Đinh Ngọc D, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2020 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung do đương sự không yêu cầu. Anh Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn là chị Nguyễn Ngọc T có nơi cư trú tại phường A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hải Phòng.

[2] Các hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; các đương sự, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị T.

- Về nội dung:

[4] Anh Đinh Quang Đ và chị Nguyễn Ngọc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A (nay là phường A), thành phố Hải Phòng ngày 15 tháng 01 năm 2010 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Anh Đinh Quang Đ trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn anh Đ và chị T sống chung tại tổ dân phố K, phường A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, khác nhau về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hoà; gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành; hiện nay anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Xét thấy, anh Đ và chị T đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do mâu thuẫn giữa anh Đ và chị T đã đến

mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Đ được ly hôn chị T.

[6] Về con chung: Anh chị có ba con chung là Đinh Phúc H, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2011; Đinh Thị Châu A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2013 và Đinh Ngọc D, sinh ngày 16 tháng 9 năm 2020. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau. Hiện nay, ba con chung đang chung sống với anh Đ và đều có nguyện vọng được ở với anh Đ; đồng thời anh Đ có chỗ ở, thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con; trong khi chị T không có công ăn việc làm, thu nhập ổn định và đang sinh sống với bố mẹ đẻ. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con khi cha mẹ ly hôn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cả ba con Đinh Phúc H, Đinh Thị Châu A và Đinh Ngọc D cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Anh Đinh Quang Đ và chị Nguyễn Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Đinh Quang Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Anh Đinh Quang Đ và chị Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Quang Đ được ly hôn chị Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cả ba con chung Đinh Phúc H, sinh ngày 22 tháng 02 năm 2011; Đinh Thị Châu A, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2013 và Đinh Ngọc D, sinh

ngày 16 tháng 9 năm 2020 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con anh Đ và chị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Đinh Quang Đ và chị Nguyễn Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Đinh Quang Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004510 ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Đinh Quang Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Đinh Quang Đ và chị Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 2 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2 - Hải Phòng;
- UBND phường An Hải, TP Hải Phòng (ĐKKH năm 2010);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng